

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
NGUYỄN HOÀNG**

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	
	13 - 38



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100377261 cấp lần đầu ngày 09/08/2000 và thay đổi lần thứ 26 ngày 17/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 400.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 400.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ, sản xuất.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Tái chế phế liệu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn, đệm; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở.

### **4. Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 22/11/2021)
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Lê Thị Mai Loan	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG

Khu TTCN Nhon Hòa, Phường Nhon Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

### 6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật (Tiếp theo)

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Ông	Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Lâm Thị Phụng	Kế toán trưởng

#### Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Đăng Hải	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Lê Trí Hoàng Uyên	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2021)
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà	Đỗ Lệ Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)
Bà	Phạm Châu Dung	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2021)

#### Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Thế Tài
Bà	Hoàng Thị Minh Châu

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và các Công ty con và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**9. Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2022

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc - Đại diện theo Pháp luật**



**Hoàng Thị Minh Châu**



Số: **23B** /BCKT/TC/2022/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng được lập ngày 15/01/2022, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Ái

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>477.998.091.681</b>	<b>339.077.538.450</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>18.276.661.356</b>	<b>13.645.815.518</b>
1. Tiền	111		7.856.661.356	4.225.815.518
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.420.000.000	9.420.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.05	<b>18.620.000.000</b>	<b>18.620.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.620.000.000	18.620.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>285.890.187.080</b>	<b>251.328.222.501</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	99.492.683.332	129.665.776.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.381.936.499	4.498.441.812
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.06	155.010.753.149	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.07	28.389.614.100	117.436.004.077
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.08	(384.800.000)	(272.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>142.702.236.469</b>	<b>49.115.372.417</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	142.702.236.469	49.115.372.417
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.509.006.776</b>	<b>6.368.128.014</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.876.290.558	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.317.548.137	6.020.919.834
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15	315.168.081	347.208.180
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>193.107.547.359</b>	<b>132.466.479.302</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.266.857.485</b>	<b>656.012.463</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	8.266.857.485	656.012.463
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.010.069.492</b>	<b>37.976.955.426</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	89.946.582.266	37.976.955.426
- Nguyên giá	222		152.242.858.257	78.079.919.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.296.275.991)	(40.102.964.188)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3.599.820.555	-
- Nguyên giá	225		3.702.672.571	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(102.852.016)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	463.666.671	-
- Nguyên giá	228		520.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.333.329)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.05	<b>62.170.000.000</b>	<b>61.790.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		61.790.000.000	61.790.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		380.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.660.620.382</b>	<b>32.043.511.413</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	876.350.685	290.060.330
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	27.784.269.697	31.753.451.083
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>671.105.639.040</b>	<b>471.544.017.752</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>186.940.858.493</b>	<b>147.338.768.924</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.233.447.604</b>	<b>136.896.648.223</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	61.030.348.406	31.807.713.083
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.168.217.058	13.681.729.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	357.382.114	1.339.436.583
4. Phải trả người lao động	314		1.407.629.530	976.454.210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	866.421.485	178.940.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	21.716.180.739	13.002.558.168
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	81.687.268.272	75.909.815.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.707.410.889</b>	<b>10.442.120.701</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	2.060.000.000	10.332.120.701
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	2.647.410.889	110.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>484.164.780.547</b>	<b>324.205.248.828</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>484.164.780.547</b>	<b>324.205.248.828</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	320.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	320.000.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.484.305.576	1.269.888.422
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.269.888.422	3.090.244.460
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		1.214.417.154	(1.820.356.038)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		81.680.474.971	2.935.360.406
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>671.105.639.040</b>	<b>471.544.017.752</b>

Người lập biểu



Lâm Thị Phượng

Kế toán trưởng



Lâm Thị Phượng

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Minh Châu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>229.062.276.199</b>	<b>231.377.056.257</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		253.321.448	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>228.808.954.751</b>	<b>231.377.056.257</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	205.894.069.619	211.411.346.397
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>22.914.885.132</b>	<b>19.965.709.860</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.717.693.315	3.292.110.544
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.722.656.540	8.506.584.905
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.412.942.233	8.217.555.740
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	5.101.329.655	4.718.555.276
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	11.847.321.411	11.353.601.070
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.961.270.841</b>	<b>(1.320.920.847)</b>
12. Thu nhập khác	31		16.437.738	645.678.630
13. Chi phí khác	32		317.710.099	719.393.309
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(301.272.361)</b>	<b>(73.714.679)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.659.998.480</b>	<b>(1.394.635.526)</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	1.399.320.137	409.580.064
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.260.678.343</b>	<b>(1.804.215.590)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.214.417.154	(1.820.356.038)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		46.261.189	16.140.448
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.08</b>	<b>36</b>	<b>(57)</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.09</b>	<b>36</b>	<b>(57)</b>

Người lập biểu



Lâm Thị Phượng

Kế toán trưởng



Lâm Thị Phượng

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc




Hoàng Thị Minh Châu



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.659.998.480</b>	<b>(1.394.635.526)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.730.778.491	7.402.427.054
- Các khoản dự phòng	03		112.800.000	272.000.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(45.988.298)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.550.056.446)	(2.964.904.449)
- Chi phí lãi vay	06		6.412.942.233	8.217.555.740
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.320.474.460</b>	<b>11.532.442.819</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		119.668.797.379	(131.253.279.240)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(20.246.263.774)	10.739.742.543
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.646.944.853	(126.537.644.579)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		45.913.758	2.010.428.500
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.412.942.233)	(8.217.555.740)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.107.489.036)	(1.589.483.831)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>123.915.435.407</b>	<b>(243.315.349.528)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.388.245.595)	(1.041.694.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	128.357.865.971
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(125.395.753.149)	(10.620.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.760.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(81.600.000.000)	(24.918.123.065)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		179.380.263	157.376.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.550.056.446	2.960.897.789
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(202.894.562.035)</b>	<b>252.115.195.968</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		80.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		131.723.339.561	165.026.503.549
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(128.344.548.951)	(206.228.824.252)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>83.378.790.610</b>	<b>(41.202.320.703)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.399.663.982</b>	<b>(32.402.474.263)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.645.815.518</b>	<b>46.048.289.781</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		231.181.856	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>18.276.661.356</b>	<b>13.645.815.518</b>

Người lập biểu



Lâm Thị Phụng

Kế toán trưởng



Lâm Thị Phụng

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc




Hoàng Thị Minh Châu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100377261 cấp lần đầu ngày 09/08/2000 và thay đổi lần thứ 26 ngày 17/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 400.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 400.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ, sản xuất.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Tái chế phế liệu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn, đệm; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

**6. Cấu trúc Công ty**

Đến ngày 31/12/2021, Công ty có hai (02) công ty con và một (01) công ty liên kết kiểm soát trực tiếp như sau:

Tổng số các Công ty con:	02 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	02 Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0 Công ty

5017  
CÔNG  
TNH  
H VU T  
LINH K  
KIỂM T  
HIA NA  
P. P. HỒ

**6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)****Danh sách các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát		Tỷ lệ lợi ích	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	95,00%	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	0%	51,00%	0%

**Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo này theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát		Tỷ lệ lợi ích	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	43,85%	43,85%	43,85%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.



**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty Cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.



Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### c. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



**8. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

5011  
CÔNG  
TNH  
H VUT  
HINH I  
KIEM  
PHIA N  
T.P.H

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**19. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất*****Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

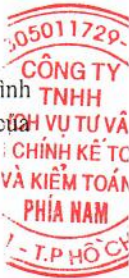
***Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.803.552.822	1.399.768.826
- Tiền gửi ngân hàng	4.053.108.534	2.826.046.692
+ Tiền gửi VND	3.863.951.421	1.647.195.201
+ Tiền gửi ngoại tệ	189.157.113	1.178.851.491
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.420.000.000	9.420.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.276.661.356</b>	<b>13.645.815.518</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng. Khoản tiền gửi này đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các Công ty con (xem chi tiết thuyết minh V.18 báo cáo này).

## 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>99.492.683.332</b>	<b>129.665.776.612</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Lộc Phát	7.614.436.581	-
- Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	8.083.478.179	13.444.345.640
- Direct Global Trade Corp	8.781.912.047	7.179.213.601
- Công ty Cổ phần Anphatek	7.423.500.000	-
- Bùi Thành Lâm	37.500.000.000	37.500.000.000
- Nguyễn Hoàng Phát	19.570.000.000	19.570.000.000
- Các khách hàng khác	10.519.356.525	51.972.217.371
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-

## 3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.381.936.499</b>	<b>4.498.441.812</b>
- Công ty TNHH TM DV Minh Phước	-	1.048.803.000
- Các khách hàng khác	3.381.936.499	3.449.638.812
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-

## 4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	40.301.044.717	-	32.172.296.892	-
- Công cụ, dụng cụ	280.124.134	-	13.183.863	-
- Chi phí SXKD dở dang	3.416.696.992	-	2.541.455.904	-
- Thành phẩm	88.587.181.026	-	14.388.435.758	-
- Hàng hóa	10.117.189.600	-	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>142.702.236.469</b>	-	<b>49.115.372.417</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Khu TTCN Nhom Hòa, Phường Nhom Hòa, Thị xã An Nhom, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>	-	<b>18.620.000.000</b>
<b>a.1 Ngắn hạn</b>	<b>18.620.000.000</b>	<b>18.620.000.000</b>	-	<b>18.620.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	18.620.000.000	18.620.000.000	-	18.620.000.000
<b>a.2 Dài hạn</b>	<b>380.000.000</b>	<b>380.000.000</b>	-	-
- Trái phiếu (2)	380.000.000	380.000.000	-	-
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>61.790.000.000</b>	<b>61.790.000.000</b>	-	<b>61.790.000.000</b>
<b>b.1 Đầu tư vào công ty con</b>				
<b>b.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>61.790.000.000</b>	<b>61.790.000.000</b>	-	<b>61.790.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà (3)	61.790.000.000	61.790.000.000	-	61.790.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.790.000.000</b>	<b>80.790.000.000</b>	-	<b>80.410.000.000</b>

**Ghi chú:**

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng thương mại. Các khoản này đã được thế chấp cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.18 của báo cáo này).

(2) Là khoản đầu tư mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành kỳ hạn 10 năm.

(3) Là khoản đầu tư tương ứng với quyền sở hữu 43,85% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà - Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4900236527 thay đổi lần thứ 8 ngày 24/4/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.



**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>155.010.753.149</b>		<b>-</b>	
- Nguyễn Thị Quỳnh	12.293.176.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Linh	19.218.600.000	-	-	-
- Đỗ Thị Kim Ngân	12.700.692.149	-	-	-
- Huỳnh Thị Hồng Hạnh	13.602.285.000	-	-	-
- Phạm Thị Ngọc Thanh	35.220.000.000	-	-	-
- Trương Hoàng Vĩnh	16.951.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Ngọc Hòa	30.865.000.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	14.160.000.000	-	-	-
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.010.753.149</b>		<b>-</b>	

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>28.389.614.100</b>	<b>-</b>	<b>117.436.004.077</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	227.720.008	-	41.906.000	-
- Ký cược, ký quỹ	325.835.186	-	-	-
- Phải thu khác	27.836.058.906	-	117.394.098.077	-
+ Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	-	-	4.740.000.000	-
+ Công ty Indoba GmbH	18.500.733.328	-	12.900.754.405	-
+ Các khách hàng khác	13.585.050.799	-	99.753.343.672	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>8.266.857.485</b>	<b>-</b>	<b>656.012.463</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	8.266.857.485	-	656.012.463	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.656.471.585</b>	<b>-</b>	<b>118.092.016.540</b>	<b>-</b>

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.	464.000.000	(384.800.000)	464.000.000	(272.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
+ Phải thu khách hàng	264.000.000	(184.800.000)	264.000.000	(132.000.000)
+ Trả trước người bán	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(140.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>464.000.000</b>	<b>(384.800.000)</b>	<b>464.000.000</b>	<b>(272.000.000)</b>

01172  
 CÔNG TY  
 TNHH  
 HỮU TƯ  
 KẾ  
 KIỂM TC  
 HIA NAN  
 T.P.HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
1. Số dư đầu năm	34.857.252.357	40.321.139.713	2.727.644.363	173.883.181	78.079.919.614
2. Số tăng trong năm	15.185.007.162	62.393.615.502	1.104.230.000	-	78.682.852.664
- Mua trong năm	-	2.589.167.600	300.000.000	-	2.889.167.600
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	15.185.007.162	59.804.447.902	804.230.000	-	75.793.685.064
3. Số giảm trong năm	-	4.199.914.021	320.000.000	-	4.519.914.021
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.199.914.021	320.000.000	-	4.519.914.021
4. Số dư cuối năm	50.042.259.519	98.514.841.194	3.511.874.363	173.883.181	152.242.858.257
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	14.600.221.040	24.267.097.618	1.078.962.349	156.683.181	40.102.964.188
2. Khấu hao trong năm	5.203.980.405	16.849.869.844	549.935.494	8.600.000	22.612.385.743
- Khấu hao tăng trong năm	2.088.242.141	3.526.543.581	337.744.174	8.600.000	5.961.129.896
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.115.738.264	13.323.326.263	212.191.320	-	16.651.255.847
3. Giảm trong năm	-	394.185.048	24.888.892	-	419.073.940
- Thanh lý, nhượng bán	-	394.185.048	24.888.892	-	419.073.940
4. Số dư cuối năm	19.804.201.445	40.722.782.414	1.604.008.951	165.283.181	62.296.275.991
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
1. Tại ngày đầu năm	20.257.031.317	16.054.042.095	1.648.682.014	17.200.000	37.976.955.426
2. Tại ngày cuối năm	30.238.058.074	57.792.058.780	1.907.865.412	8.600.000	89.946.582.266

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ:

8.635.558.697 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

20.621.704.938 VND



**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	3.702.672.571	3.702.672.571
- Mua TSCĐ tài chính trong năm	3.702.672.571	3.702.672.571
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.702.672.571	3.702.672.571
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Khấu hao trong năm	102.852.016	102.852.016
- Khấu hao tăng trong năm	102.852.016	102.852.016
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	102.852.016	102.852.016
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	3.599.820.555	3.599.820.555



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	520.000.000	520.000.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	520.000.000	520.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	520.000.000	520.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Khấu hao trong năm	56.333.329	56.333.329
- Khấu hao tăng trong năm	8.666.666	8.666.666
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	47.666.663	47.666.663
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	56.333.329	56.333.329
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	463.666.671	463.666.671

1729  
 NG TY  
 NHH  
 TƯ V  
 NH KẾ T  
 M TOÁ  
 NAM  
 HỒ C

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.876.290.558</b>	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.876.290.558	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>876.350.685</b>	<b>290.060.330</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	829.401.391	290.060.330
- Chi phí sửa chữa	46.949.294	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.752.641.243</b>	<b>290.060.330</b>

## 13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế thương mại đầu tư Công ty Cổ phần Thành Phúc	39.691.813.855	39.691.813.855
Lợi thế thương mại đầu tư Công ty Cổ phần Tapiotek	(311.051.473)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.380.762.382</b>	<b>39.691.813.855</b>
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	7.938.362.772	3.969.181.386
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	3.658.129.913	3.969.181.386
<b>Lợi thế thương mại còn phân bổ ngày cuối kỳ</b>	<b>27.784.269.697</b>	<b>31.753.451.083</b>
<i>Trong đó Lợi thế thương mại đầu tư Công ty Cổ phần Thành Phúc</i>	<i>27.784.269.697</i>	<i>39.691.813.855</i>

## 14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>61.030.348.406</b>	<b>61.030.348.406</b>	<b>31.807.713.083</b>	<b>31.807.713.083</b>
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	1.473.000.000	1.473.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Hibiscus	15.818.437.757	15.818.437.757	9.379.329.277	9.379.329.277
- Công ty TNHH Tuấn Phong	6.581.485.730	6.581.485.730	-	-
- Công ty TNHH Phú Sơn	2.774.023.472	2.774.023.472	-	-
- Công ty TNHH Hoàng Phát	3.162.737.930	3.162.737.930	8.264.586.087	8.264.586.087
- Công ty Cổ phần HCM Lott 68	7.373.108.160	7.373.108.160	-	-
- Các đối tượng khác	23.847.555.357	23.847.555.357	14.163.797.719	14.163.797.719
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.030.348.406</b>	<b>61.030.348.406</b>	<b>31.807.713.083</b>	<b>31.807.713.083</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>1.339.436.583</b>	<b>919.400.585</b>	<b>1.901.455.054</b>	<b>357.382.114</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.378.829	433.710.090	245.202.869	348.886.050
Thuế thu nhập cá nhân	-	37.945.495	29.449.431	8.496.064
Thuế tài nguyên	604.923.246	-	604.923.246	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	437.404.500	437.403.920	874.808.420	-
Thuế khác	136.730.008	10.341.080	147.071.088	-
	Số đầu năm	Phát sinh giảm trong năm	Phát sinh tăng trong năm	Số cuối năm
<b>b. Phải thu</b>	<b>347.208.180</b>	<b>1.025.555.946</b>	<b>993.515.847</b>	<b>315.168.081</b>
Thuế tài nguyên	-	-	19.994	19.994
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	131.209.686	131.209.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.208.180	1.025.555.946	862.286.167	183.938.401

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>866.421.485</b>	<b>178.940.966</b>
- Chi phí môi giới	639.486.050	-
- Trích trước chi phí lãi vay	12.231.665	-
- Các khoản khác	214.703.770	178.940.966
<b>b. Dài hạn</b>	-	-

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>21.716.180.739</b>	<b>13.002.558.168</b>
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	197.430.300	37.267.420
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.518.750.439	12.965.290.748
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	5.424.673.512	5.439.107.522
+ Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	13.304.867.472	7.461.646.883
+ Các khách hàng khác	2.789.209.455	64.536.343
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.060.000.000</b>	<b>10.332.120.701</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.060.000.000	10.332.120.701
+ Công ty Cổ phần XD & ĐT Khai Thác Khoáng Sản Thăng Long	1.400.000.000	1.400.000.000
+ Công ty Cổ phần TTP Khu Kinh Tế Tỉnh Phú Yên Việt Nam	-	4.112.120.701
+ Các khách hàng khác	660.000.000	4.820.000.000
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh HCM (VND)	75.761.815.596	75.761.815.596	134.028.469.514	128.213.016.838	81.577.268.272	81.577.268.272
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Gia Định (USD)	70.267.180.536	70.267.180.536	106.888.746.600	115.381.725.836	61.774.201.300	61.774.201.300
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	-	-	8.363.458.722	-	8.363.458.722	8.363.458.722
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	5.494.635.060	5.494.635.060	12.796.994.612	12.831.291.002	5.460.338.670	5.460.338.670
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	-	-	4.979.269.580	-	4.979.269.580	4.979.269.580
- Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bà Chiểu	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	148.000.000	148.000.000	110.000.000	148.000.000	110.000.000	110.000.000
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	110.000.000	110.000.000	2.647.410.889	110.000.000	2.647.410.889	2.647.410.889
- Công ty Thuế Tài Chính TNHH BIDV	110.000.000	110.000.000	2.647.410.889	110.000.000	2.647.410.889	2.647.410.889
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.019.815.596</b>	<b>76.019.815.596</b>	<b>136.785.880.403</b>	<b>128.471.016.838</b>	<b>84.334.679.161</b>	<b>84.334.679.161</b>

c. Trái phiếu thường

d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

- (1) Đây là các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng (Xem mục V.01, V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (2) Đây là các khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Thành Phúc. Các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn, lãi suất hiện hành vào thời điểm lập báo cáo này là 4,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, nhà xưởng thuộc quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thành Phúc (Xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (3) Đây là khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 7724/2020-HĐCVDADT/NHCT542-NGUYỄN HOÀNG ngày 22/09/2020. Hạn mức vay 295.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Mục đích để mua xe ô tô. Lãi suất 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 110/2020/HĐBĐ/NHCT542 ngày 22/09/2020 (Xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (4) Đây là khoản vay từ Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting theo Hợp đồng số 02/2020/HĐMT-TCDDT-TAPIOTEK của Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek, số tiền hỗ trợ tài chính tùy theo tình hình thực tế được dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng và tự động gia hạn thêm không quá 12 tháng tiếp theo, lãi suất 2%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (5) Đây là khoản vay giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2021/12051268/HĐTD ký ngày 08/10/2021. Hạn mức tín dụng : 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 5 tháng. Lãi suất là 6,9%/năm. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Tapiotek (xem mục V.01 thuyết minh báo cáo này).
- (6) Đây là khoản nợ thuế tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21821000398/HĐCTTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuế 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm: 325.835.186 VND.





**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG**

Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	320.000.000.000	677.913.135	3.329.524.608	3.072.726.340	327.080.164.083
- Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm trước	-	-	(1.820.356.038)	16.140.448	(1.804.215.590)
- Tăng/(giảm) do hợp nhất	-	(677.913.135)	(239.280.148)	(153.506.382)	(1.070.699.665)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.269.888.422</b>	<b>2.935.360.406</b>	<b>324.205.248.828</b>
- Tăng/(giảm) do hợp nhất	-	-	-	78.698.853.376	78.698.853.376
- Tăng vốn trong năm nay (*)	80.000.000.000	-	-	-	80.000.000.000
- Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm nay	-	-	1.214.417.154	46.261.189	1.260.678.343
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.484.305.576</b>	<b>81.680.474.971</b>	<b>484.164.780.547</b>

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCD ngày 16/10/2021 và Quyết định Hội đồng quản trị số 02/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2021, Công ty đã thực hiện chào bán 8.000.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để huy động thêm 80.000.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 400.000.000.000 đồng.



**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vốn góp của Công ty mẹ	206.800.000.000	206.800.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	193.200.000.000	113.200.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	206.800.000.000	51,70%	206.800.000.000	64,63%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	18.000.000.000	4,50%	18.000.000.000	5,63%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	16.651.250.000	4,16%	16.651.250.000	5,20%
- Nguyễn Hồ Nam	17.000.000.000	4,25%	17.000.000.000	5,31%
- Nguyễn Thế Tài	13.100.000.000	3,28%	16.000.000.000	5,00%
- Nguyễn Thanh Hùng	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Phạm Minh Tuấn	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Lê Thị Mai Loan	10.000.000.000	2,50%	10.000.000.000	3,13%
- Hoàng Thị Minh Châu	9.000.000.000	2,25%	10.000.000.000	3,13%
- Nguyễn Đăng Hải	2.535.400.000	0,63%	3.000.000.000	0,94%
- Trần Thị Kiều Tiên	2.548.750.000	0,64%	2.548.750.000	0,80%
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	80.000.000.000	20,00%	-	-
- Cổ đông khác	4.364.600.000	1,09%	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100%</b>

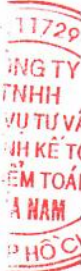
**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	80.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	320.000.000.000
<b>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	32.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	32.000.000
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	32.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	32.000.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	229.062.276.199	230.831.601.712
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	545.454.545
<b>Cộng</b>	<b>229.062.276.199</b>	<b>231.377.056.257</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	205.894.069.619	211.411.346.397
<b>Cộng</b>	<b>205.894.069.619</b>	<b>211.411.346.397</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.550.056.446	2.913.647.789
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	47.250.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.648.571	331.212.755
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.988.298	-
<b>Cộng</b>	<b>3.717.693.315</b>	<b>3.292.110.544</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	6.412.942.233	8.217.555.740
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	309.714.307	284.126.529
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.902.636
<b>Cộng</b>	<b>6.722.656.540</b>	<b>8.506.584.905</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>5.101.329.655</b>	<b>4.718.555.276</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	614.276.682	531.307.962
- Chi phí vật liệu quản lý	864.179.040	1.369.221.778
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.048.091	428.068.492
- Chi phí bằng tiền khác	2.658.825.842	2.389.957.044
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>11.847.321.411</b>	<b>11.353.601.070</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.767.470.495	2.334.004.983
- Chi phí vật liệu quản lý	11.147.282	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	48.153.085	71.009.494
- Chi phí khấu hao TSCĐ	248.099.061	234.301.593
- Thuế, phí và lệ phí	6.572.307	8.042.410
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	112.800.000	272.000.000
- Phân bổ lợi thế thương mại	3.658.129.913	3.969.181.386
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.153.675	420.999.631
- Chi phí bằng tiền khác	4.725.795.593	4.044.061.573



## 6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.556.044.942	38.359.566.068
- Chi phí nhân công	20.073.812.415	15.830.484.166
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.072.648.578	3.433.245.668
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.115.941.221	4.088.068.270
- Chi phí bằng tiền khác	10.034.241.279	14.679.980.513
<b>Cộng</b>	<b>119.852.688.435</b>	<b>76.391.344.685</b>

## 7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.659.998.480	(1.394.635.526)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.910.271.515	459.499.682
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.570.269.995	(935.135.844)
- Tổng thu nhập tính thuế	6.570.269.995	(935.135.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.399.320.137	409.580.064
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.314.496.097	532.751.605
+ Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	84.824.040	36.653.941
+ Khoản thuế miễn giảm	-	(159.825.482)

## 8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.214.417.154	(1.820.356.038)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	33.490.411	32.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>(57)</b>

## 9. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.214.417.154	(1.820.356.038)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	33.490.411	32.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>(57)</b>



**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có thể chấp 29.040.000.000 đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem mục V.01 và V.05 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	131.723.339.561	165.026.503.549

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	128.344.548.951	206.228.824.252

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan



b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Mượn tiền	1.000.000.000
	Cho mượn	250.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Phí tư vấn	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	Cho mượn	1.020.000.000
	Nhận chuyển nhượng cổ phần	81.600.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Bán hàng	6.320.182.836
	Nhận hàng xuất hàng UTXK	5.923.508.186

**Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác trong năm:**

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	61.200.000
Phạm Châu Dung	Thành viên Ban kiểm soát	154.000.000
<b>Cộng</b>		<b>215.200.000</b>

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

Tên bên liên quan	Mã trên Bảng Cân đối kế toán	Số tiền
Công ty Cổ phần Du Lịch Casa Marina Resort	311	28.422.000
	131	95.601.862
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	312	3.000.000.000
	319	13.304.867.472
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	319	5.424.673.512
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	311	1.473.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	5.760.000.000

**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, giá vốn của từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	114.387.449.278	114.421.505.473	228.808.954.751
Giá vốn	110.489.016.696	95.405.052.923	205.894.069.619
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>3.898.432.582</b>	<b>19.016.452.550</b>	<b>22.914.885.132</b>

**3. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Số liệu chi tiết của một số chỉ tiêu trên thuyết minh Báo cáo tài chính (Số đầu năm) được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu

Lâm Thị Phương

Kế toán trưởng

Lâm Thị Phương



Lập ngày 15 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Minh Châu